

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ YÊN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2021/HNGĐ – ST

Ngày 06/01/2021

V/v: Tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Lương Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đinh Công Ó.

- Bà Lê Thị Bồng.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Khánh Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hân – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2020/TLST – HNGĐ, ngày 16 tháng 10 năm 2020 về việc Tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST – DS, ngày 16 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST – DS, ngày 31/12/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Đinh Văn Q, sinh năm 1976.

- Bị đơn: chị Cẩm Thị S, sinh năm 1980.

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại bản T, xã P, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La và đều có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, vắng mặt có lý do.

- Bà Cầm Thị O (tên gọi khác: Cầm Thị S); cư trú tại bản T, xã P, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ý kiến trình bày tại phiên tòa nguyên đơn anh Đinh Văn Q trình bày:

- Anh Q và chị S đến với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 29/02/2004 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Qua quá trình chung sống cả hai vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được khoảng 16 năm thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do bất đồng quan điểm sống về kinh tế, sinh hoạt và mâu thuẫn giữa mẹ chồng và con dâu. Mâu thuẫn vợ chồng đã được bản thân tôi và vợ cùng cố gắng sửa chữa, thay đổi nhưng không được, mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên, chính quyền bản khuyến giải nhưng không thành. Hiện nay thì anh chị sống ly thân nhau từ khoảng tháng 7 năm 2020, trong thời gian ly thân thì không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Đến nay anh Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn quá trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên anh kiên quyết xin được ly hôn chị Cầm Thị S.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là Đinh Văn H, sinh ngày 15/8/2003 và Đinh Văn H, sinh ngày 02/7/2010, anh Q có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, anh không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh có một số tài sản gồm 01 con bò cái được gần khoảng 02 năm tuổi trị giá khoảng 10.000.000,đ; một bộ cột gỗ làm nhà loại gỗ me rừng (30 thanh) trị giá 10.000.000,đ; một ngôi nhà đất 03 gian trị giá 3.000.000,đ; 01 tivi trị giá 2.000.000,đ, ngoài ra còn một số tài sản khác. Toàn bộ số tài sản trên anh Q và chị S đã tự thỏa thuận phân chia và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra vợ chồng anh còn một khoản tiền ký quỹ tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện Phù Yên số tiền tính đến ngày 03/10/2020 là 1.927.000,đ, tại phiên tòa anh Q yêu cầu chia đôi khoản tiền này.

Về yêu cầu của chị S đề nghị được chia một phần tài sản là giá trị của số trâu, lợn của bố mẹ chồng thì anh Q không đồng ý vì anh cho rằng số trâu, lợn đang có hiện tại là tài sản của bố mẹ, không phải của anh chị, mặc dù anh chị có công sức đóng góp, duy trì, tạo lập và phát triển khối tài sản chung cũng như đời sống chung của gia đình nhưng đó là nghĩa vụ của con cái trong nhà nên anh

Q không nhất trí với ý kiến của chị S về việc yêu cầu chia tài sản chung của gia đình nhà chồng.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Vợ chồng anh chị có vay một khoản tiền tại Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Phù Yên số tiền 50.000.000,đ để chăn nuôi, trong quá trình sử dụng vốn vay thì anh chị đã trả được 40.000.000,đ, hiện nay còn lại số tiền gốc là 10.000.000,đ và số lãi phát sinh. Trong quá trình giải quyết vụ án anh chị thống nhất thỏa thuận chị S là người có trách nhiệm trả số tiền gốc và lãi xuất phát sinh còn lại cho Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Phù Yên.

Trong bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa bị đơn chị Cẩm Thị S trình bày:

- Về thời gian kết hôn và nơi kết hôn thì chị nhất trí như anh Q đã trình bày. Anh chị kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, quá trình chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2020 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do tôi bị bệnh viêm tai giữa, do hoàn cảnh khó khăn nên chưa đi chữa trị được, ngoài ra còn một số nguyên nhân như bất đồng về quan điểm sống về kinh tế gia đình, tuy nhiên những mâu thuẫn này không quá nghiêm trọng, bản thân tôi xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, tôi mong muốn vợ chồng đoàn tụ gia đình để cùng nhau nuôi dạy con cái, tiếp tục cuộc sống hạnh phúc. Trong trường hợp nếu anh Q kiên quyết xin ly hôn thì chị cũng nhất trí để giải phóng cho cả hai yên tâm lao động, làm ăn và nuôi dạy con cái.

Về con chung: Vợ chồng tôi có hai con chung là Đinh Văn H, sinh ngày 15/8/2003 và Đinh Văn G, sinh ngày 02/7/2010, cháu H lớn hơn nên tôi nhất trí để anh anh Q được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, tôi không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Q. Còn cháu G thì tôi xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tôi có một số tài sản gồm 01 con bò cái được gần khoảng 02 năm tuổi; một bộ cột gỗ làm nhà loại gỗ me rừng; một ngôi nhà đất 03 gian; 01 ti vi đã cũ, ngoài ra còn một số tài sản vật dụng khác. Toàn bộ số tài sản trên vợ chồng tôi đã tự thỏa thuận phân chia và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng tôi còn có một khoản tiền ký quỹ tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện Phù Yên số tiền tính đến ngày 03/10/2020 là 1.927.000,đ, tôi yêu cầu chia đôi khoản tiền này mỗi người một nửa, ngoài ra sau này nếu có đóng thêm thì tôi sẽ được hưởng phần tôi sẽ đóng thêm.

Ngoài các tài sản kể trên thì tôi có yêu cầu được chia số tài sản chung cùng gia đình chồng trong thời gian vợ chồng chung sống với bố mẹ chồng và có cùng nhau tạo dựng, duy trì, phát triển khối tài sản chung cũng như vào đời sống chung của gia đình. Vợ chồng tôi lấy nhau từ năm 2003 và chung sống

cùng gia đình bố mẹ chồng đến năm 2008 thì tách hộ ra ở riêng, đến đầu năm 2014 thì bố mẹ chồng già yếu thì vợ chồng tôi lại về chung sống với bố mẹ chồng, tôi cùng chồng và bố mẹ cùng nhau chăn nuôi trâu, lợn, chăm lo việc cơm nước, trồng trọt cùng bố mẹ chồng và đã cùng chăn nuôi được một đàn trâu (đã bán đi mấy con để lo việc chữa trị bệnh cho bố chồng) hiện nay còn 04 con (trong đó có 01 con trâu có trước khi vợ chồng tôi quay về sinh sống cùng bố mẹ chồng và có đẻ thêm 03 con trâu nữa) và hai con lợn, trong đó có một con lợn nái và một con lợn thịt nuôi ở nhà. Ngoài ra trong thời gian tính từ năm 2014 đến nay tôi vừa chăm lo việc nhà, vừa chăn nuôi, trồng trọt tôi vẫn phải đi làm thuê để kiếm thêm thu nhập và số tiền tôi kiếm được đều để trang trải, chi phí sinh hoạt chung trong cả gia đình bố mẹ chồng và vợ chồng, con cái của chúng tôi. Ngoài việc trồng trọt, chăn nuôi chung với gia đình chồng thì vợ chồng tôi cũng chăn nuôi riêng, sau khi vay được tiền của Ngân hàng chính sách huyện Phù Yên về đã đầu tư mua 03 con bò về để nuôi và đã đẻ ra được 03 con, tổng cộng là 06 con, sau đó đến tháng 12/2019 bố chồng tôi mất vợ chồng tôi đã mổ một con để làm đám hiếu cho bố chồng, và đã bán 04 con để trả nợ ngân hàng được 40.000.000,đ, hiện nay vợ chồng tôi còn lại một con bò khoảng gần hai năm tuổi.

Trong số 04 con trâu của gia đình chồng hiện nay có một con trâu cái có trước khi vợ chồng tôi về sinh sống cùng bố mẹ, còn lại 03 con đẻ sau, đều được cả nhà chăm sóc, chăn nuôi và đã có như hiện nay cũng như còn hai con lợn. Nếu ly hôn thì tôi cũng không có tài sản, vốn liếng để làm ăn, kinh doanh. Nay tôi yêu cầu được chia một phần công sức đóng góp của tôi trong việc tạo lập, duy trì, phát triển khối tài sản chung cũng như vào đời sống chung của gia đình theo quy định của pháp luật và tôi đề nghị được chia một phần giá trị của bốn con trâu và hai con lợn theo quy định của pháp luật.

Về tài sản riêng: Tôi có một chiếc hoa tai do khi đi lấy chồng được mẹ đẻ tặng cho, trong quá trình sinh sống cùng gia đình do hoàn cảnh khó khăn nên tôi đã phải bán đi để lấy tiền chi tiêu, trang trải trong gia đình. Tuy nhiên đến nay tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trong quá trình chung sống thì đến năm 2017 vợ chồng tôi có vay một khoản tiền tại Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Phù Yên số tiền 50.000.000,đ để chăn nuôi, trong quá trình sử dụng vốn vay thì chúng tôi đã trả được 40.000.000,đ, hiện nay còn lại số tiền gốc là 10.000.000,đ và số lãi phát sinh. Trong quá trình giải quyết vụ án chúng tôi thống nhất thỏa thuận tôi là người có trách nhiệm trả số tiền gốc và lãi xuất phát sinh còn lại cho Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Phù Yên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cẩm Thị O trình bày:

- Bà là mẹ đẻ của anh Q và là mẹ chồng của chị S, trong quá trình anh chị về sống chung với ông bà lần thứ hai từ đầu năm 2014 đến nay thì gia đình bà

đã có một số con trâu rồi, từ khi vợ chồng anh chị về chung sống có đẻ thêm được một số con trâu và lợn, tuy nhiên anh chị không có đóng góp gì vào việc chăn nuôi đàn trâu, lợn của ông bà, việc chị S cũng tham gia vào việc chăn nuôi, trồng trọt, làm thuê kiếm tiền để chi trả, trang trải cho gia đình là hoàn toàn đúng nhưng cũng là nghĩa vụ của con cái với bố mẹ với gia đình. Đến tháng 12/2019 chồng bà mất, vợ chồng anh Q chị S có mổ một con bò để làm đám hiếu cho chồng bà thì đó là trách nhiệm của con đối với bố đã mất. Đến nay chị S yêu cầu được chia một phần giá trị trong số bốn con trâu và hai con lợn thì bà không nhất trí vì đó là tài sản của vợ chồng bà chứ không phải tài sản chung của vợ chồng anh chị do đó bà không đồng ý với yêu cầu được chia một phần giá trị trong khối tài sản chung của chị S.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 18/11/2020 bị đơn chị Cẩm Thị S có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản chung của gia đình là 04 con trâu và 02 con lợn.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 26/11/2020 của Hội đồng xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản xác đã định: Tại gia đình bà Cẩm Thị O, trú tại bản T, xã P, huyện Phù Yên hiện tại có 04 con trâu và 02 con lợn, cụ thể: 01 con lợn nái, trọng lượng 70kg, trị giá 5.600.000,đ; 01 con lợn thịt, trọng lượng 30kg, trị giá 2.100.000,đ; 01 con trâu cái giống 08 năm tuổi, trọng lượng 700kg, trị giá 38.500.000,đ; 01 con trâu cái giống 04 năm tuổi, trọng lượng 550kg, trị giá 30.250.000,đ; 01 con trâu thịt 03 năm tuổi, trọng lượng 450kg, trị giá 22.500.000,đ; 01 con trâu cái giống 01 năm tuổi, trọng lượng 200kg, trị giá 11.000.000,đ. Tổng giá trị của 04 con trâu và 02 con lợn là: 109.950.000,đ (Một trăm linh chín triệu, chín trăm năm mươi ngàn đồng).

Quá trình giải quyết vụ án, đương sự đã cung cấp cho Tòa án những tài liệu, chứng cứ gồm: Đơn khởi kiện về việc xin ly hôn; Giấy trích lục kết hôn (bản sao); Bản tự khai anh Q, chị S; Sổ hộ khẩu gia đình (bản sao); Giấy chứng minh nhân dân (bản sao); Giấy khai sinh các con (bản sao); Đơn yêu cầu xem xét, thẩm định, định giá tài sản.

Tài liệu do Tòa án thu thập gồm: Các biên bản xác minh; Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ; Biên bản áp giá tại chỗ ngày 26/11/2020;

Quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, vì vậy vụ án được đưa ra xét xử.

Tại phần tranh luận các đương sự đều giữ nguyên quan điểm của mình.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, thành viên Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa trong quá

trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quy định tại các điều 70, 71, 72, 73 và 209 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: áp dụng điều 51, điều 56, điều 59; điều 61; điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Văn Q, đề nghị xử cho anh Q được ly hôn chị S. Đề nghị giao cháu H cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và giao cháu G cho chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và anh Q, chị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chấp nhận sự tự nguyện giải quyết tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết của hai anh chị. Đối với khoản tiền ký quỹ tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện Phù Yên là 1.927.000,đ (tính đến ngày 03/10/2020) đề nghị chia đôi mỗi người một nửa.

Đối với phần yêu cầu chia tài sản trong trường hợp vợ chồng chung sống với gia đình bố mẹ chồng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận một phần yêu cầu của chị S và giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đề nghị chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của vợ chồng và chị S có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ gốc và lãi xuất còn lại cho Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Phù Yên.

Về tài sản riêng: Không có.

Đối với án phí, lệ phí dân sự đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Tòa án nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Anh Đinh Văn Q và chị Cẩm Thị S là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định, có hộ khẩu, tài sản tại bản T, xã P, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Hiện anh chị có tranh chấp về ly hôn, xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La theo quy định tại khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi liên quan Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Phù Yên có ý kiến không tham gia các phiên họp, phiên hòa giải và xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Phù Yên là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: anh Q và chị S kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2020 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không quan tâm đến nhau, hiện nay anh chị đang sống ly thân được một thời gian.

Xét thấy: Qua hai lần Tòa án tổ chức hòa giải để anh chị đoàn tụ gia đình, tiếp tục cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng anh Q kiên quyết xin ly hôn, chị S mong muốn đoàn tụ gia đình. Trong thời gian anh chị sống ly thân đến nay, hai anh chị không quan tâm đến nhau, chị S không có hướng khắc phục mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mâu thuẫn của anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ điều 51, điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu của anh Q, xử cho anh Q được ly hôn chị S.

[4] Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Đình Văn H, sinh ngày 15/8/2003 và Đình Văn G, sinh ngày 02/7/2010. Anh Q có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con chung. Chị S có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu G đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy: Anh Q và chị S đều là người trưởng thành, có đủ năng lực hành vi dân sự, có sức khỏe để tự lao động nuôi sống bản thân và con cái, tuy nhiên hiện nay cả hai anh chị đều không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, thu nhập chủ yếu là đi làm thuê, chăn nuôi, trồng trọt, nếu để một trong hai anh chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu thì không đảm bảo, hơn nữa cháu G có nguyện vọng muốn ở với mẹ nên cần giao cháu Đình Văn H cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động và giao cháu Đình Văn G cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động để đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt cho các cháu và anh Q, chị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, cả hai anh chị trình bày ý kiến tự thỏa thuận, tự giải quyết về tài sản chung của vợ chồng và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với số tiền ký quỹ tại Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Phù Yên mà anh chị gửi vào tính đến ngày 03/10/2020 là 1.927.000,đ, tại phiên tòa cả hai anh chị đều có nguyện vọng được chia đôi số tiền này.

Đối với yêu cầu của chị S về việc được chia tài sản là phần giá trị của 04 con trâu và 02 con lợn trong trường hợp vợ chồng chung sống với gia đình bố mẹ chồng vì có công sức trong việc tạo lập, duy trì, phát triển khối tài sản chung cũng như vào đời sống chung của gia đình.

Xét thấy: Đối với số tài sản chung của vợ chồng anh Q, chị S gồm có: 01 con bò cái được gần khoảng 02 năm tuổi; một bộ cột gỗ làm nhà loại gỗ me rừng (30 thanh); một ngôi nhà đất 03 gian; 01 ti vi đã cũ, ngoài ra còn một số tài sản khác. Trong quá trình thụ lý, giải quyết ban đầu, anh Q có yêu cầu đề nghị được giải quyết về chia tài sản chung của vợ chồng anh theo quy định và anh Q đã nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung theo biên lai thu số 0000722, ngày 17/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, cả hai anh chị đều có ý kiến tự thỏa thuận về tài sản và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với yêu cầu chia đôi số tiền ký quỹ tại Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Phù Yên mà anh chị đã nộp tính đến ngày 03/10/2020 là 1.927.000,đ, số tiền trên là tài sản của anh chị, tại phiên tòa anh chị đã tự nguyện thỏa thuận chia đôi số tài sản trên do đó cần nhất trí yêu cầu của anh chị chia đôi khoản tiền ký quỹ mỗi người được 963.500,đ. Đối với số tiền ký quỹ nếu tiếp tục nộp tại Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Phù Yên thì người nào có trách nhiệm nộp thêm vào thì người đó sẽ được hưởng khoản tiền ký quỹ đã được nộp thêm.

Đối với yêu cầu được chia tài sản trong trường hợp vợ chồng chung sống với gia đình bố mẹ chồng vì có công sức trong việc tạo lập, duy trì, phát triển khối tài sản chung cũng như vào đời sống chung của gia đình của chị S. Qua quá trình thụ lý, giải quyết, xác minh nhận thấy vợ chồng anh chị lấy nhau từ năm 2003 và chung sống với bố mẹ chồng là vợ chồng bà O tại bản T, đến năm 2008 thì anh chị tách ra ở riêng, đến đầu năm 2014 thì anh chị tiếp tục về chung sống với ông bà O, trong thời gian anh chị tiếp tục về chung sống cùng bố mẹ chồng thì cả hai anh chị đều có công sức đóng góp vào việc tạo lập, duy trì, phát triển khối tài sản chung cũng như vào đời sống chung của gia đình, trong thời gian từ đầu năm 2014 đến khi anh chị sống ly thân nhau khoảng tháng 7 năm 2020 bản thân chị S cũng trực tiếp góp phần lao động, chăn nuôi, chồng trọt, cơm nước cho gia đình, làm thuê kiếm thêm thu nhập để trang trải các khoản sinh hoạt trong cả gia đình gồm vợ chồng con cái của anh chị và bố mẹ chồng, khi bố chồng mất vào tháng 12/2019 thì anh chị cũng đã mổ một con bò là tài sản riêng của vợ chồng anh chị do vay vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Phù Yên và mua bò để chăn nuôi và đã làm đám hiếu cho bố chồng.

Trong số 04 con trâu và 02 con lợn hiện tại của bà O thì có 01 con trâu được 08 năm tuổi có trước khi vợ chồng anh chị về chung sống từ năm 2014, còn 03 con trâu và lợn có thêm sau năm 2014. Để duy trì, tạo lập và phát triển số tài sản (trâu, lợn) này cũng có một phần công sức đóng góp của chị S, do đó cần xem xét chấp nhận yêu cầu của chị S yêu cầu được chia một phần giá trị số tài sản chung là 04 con trâu và 02 con lợn có giá trị theo kết quả định giá ngày 26/11/2020 là 109.950.000,đ (Một trăm linh chín triệu, chín trăm năm mươi ngàn đồng) là có căn cứ theo quy định tại điều 61 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về tài sản riêng: Không có.

[7] Về nợ chung: Tại phiên tòa, cả hai anh chị tự nguyện thống nhất thỏa thuận anh chị còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Phù Yên số tiền gốc 10.000.000,đ và lãi xuất phát sinh, chị S là người có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ gốc và lãi xuất còn lại cho Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, sự tự nguyện thỏa thuận trên là phù hợp với ý kiến của Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Phù Yên, do đó cần chấp nhận.

[8] Về chi phí tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị S có yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá số tài sản là 04 con trâu và 02 con lợn của bà O. Chị S đã nộp tạm ứng là 4.000.000,đ. Quá trình Hội đồng xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đã chi phí hết 4.000.000,đ. Về yêu cầu được chia một phần giá trị số tài sản chung với gia đình bố mẹ chồng của chị S được chấp nhận thì chị S phải chịu phần chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo tỷ lệ giá trị phần tài sản mà chị S được chia và buộc bà Cầm Thị O phải thanh toán, hoàn trả cho chị S số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản chung của gia đình mà chị S đã nộp sau khi trừ đi phần tỷ lệ giá trị tài sản mà chị S phải chịu, là phù hợp với quy định theo khoản 2 điều 157; khoản 2 điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[9] Về án phí: Tại phiên tòa anh Q và chị S tự nguyện thỏa thuận phân chia khoản tiền ký quỹ tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La do đó anh Đình Văn Q phải chịu án phí ly hôn và án phí chia tài sản chung là tiền ký quỹ tại Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Phù Yên theo quy định tại khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 8 điều 26; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14; Chị S phải chịu án phí chia tài sản chung là tiền ký quỹ tại Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Phù Yên và án phí sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản trong khối tài sản chung mà chị được hưởng theo quy định tại khoản 2 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 8 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14; Do yêu cầu của chị S yêu cầu bà Cầm Thị O thực hiện nghĩa vụ về tài sản mà Tòa án chấp nhận yêu cầu chị S thì người có nghĩa vụ về tài sản bà O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị phần tài sản mà bà O phải thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 51, điều 56, điều 59, điều 61, điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 2, khoản 4 điều 147; khoản 2 điều 157; khoản 2 điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 8 điều 26; điểm a, b, c khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

- Xử cho anh Đinh Văn Q được ly hôn chị Cẩm Thị S.

2. Về con chung:

- Giao cháu Đinh Văn H, sinh ngày 15/8/2003 cho anh Đinh Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

- Giao cháu Đinh Văn G, sinh ngày 02/7/2010 cho chị Cẩm Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

- Anh Q, chị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung của vợ chồng:

- Anh Đinh Văn Q, chị Cẩm Thị S mỗi người được sở hữu 963.500.000,đ (Chín trăm sáu mươi ba ngàn năm trăm đồng) tiền ký quỹ đã nộp tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La (tính đến ngày 03/10/2020).

4. Về tài sản riêng: Không có.

5. Về công sức đóng góp vào việc tạo lập, duy trì phát triển khối tài sản chung cũng như vào đời sống chung của gia đình:

- Buộc bà Cẩm Thị O phải thanh toán trả cho chị Cẩm Thị S số tiền 13.700.000,đ (Mười ba triệu bảy trăm ngàn đồng).

6. Về nợ chung:

- Chị Cẩm Thị S có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La số tiền gốc 10.000.000,đ (Mười triệu đồng) và lãi xuất phát sinh.

7. Về án phí, lệ phí:

- Anh Đinh Văn Q phải chịu 300.000,đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn và 300.000,đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí chia tài sản chung của vợ chồng. Tổng cộng là 600.000,đ (Sáu trăm ngàn đồng). Được trừ vào khoản tiền 300.000,đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000690, ngày 16/10/2020 và 575.000,đ (Năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0000722, ngày 17/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Hoàn trả cho anh Q 275.000,đ (Hai trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

- Chị Cẩm Thị S phải chịu 500.000,đ (Năm trăm ngàn đồng) lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ (được trừ vào khoản tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã nộp tại Tòa án) và phải chịu 300.000,đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí chia tài sản chung của vợ chồng và 685.000,đ (Sáu trăm tám mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự phần được hưởng giá trị trong khối tài sản chung. Tổng cộng là 985.000,đ (Chín trăm tám mươi lăm ngàn đồng).

- Buộc bà Cẩm Thị O phải thanh toán trả cho chị Cẩm Thị S số tiền 3.500.000,đ (Ba triệu năm trăm ngàn đồng) án phí xem xét thẩm định tại chỗ.

- Bà Cẩm Thị O phải chịu 685.000,đ (Sáu trăm tám mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự phần giá trị tài sản mà bà O có nghĩa vụ phải thực hiện.

8. Về quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 22 điều 70; điều 271; điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015: Anh Đinh Văn Q, chị Cẩm Thị S, bà Cẩm Thị O được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 06/01/2021; Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại điều 357, điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều

6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi gửi:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Phù Yên (2);
- Chi cục THADS huyện Phù Yên;
- UBND xã P, huyện Phù Yên;
(nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự (4);
- Lưu HS; AV;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Lê Lương Anh